TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 30/9/2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN THẾ PHONG.**

2. Bà **LÊ NGỌC TRẦM**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **LÊ THỊ HOÀNG YẾN** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:* Bà **NGUYỄN LÂM THUÝ VI** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê L**, sinh năm 1987.

Cư trú tại: Số nhà 3/1, hẽm 24, đường CH, tổ 8, khu phố Đ, phường N, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Kim Cẩm T**, sinh năm 1988. Cư trú tại: số 41, đường CH, khu phố N, phường N, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2019) (có mặt).

***Bị đơn*:** Anh **Võ Chí TH**, sinh năm 1984 và chị **Nguyễn Thị Hiếu M**, sinh năm 1985 (có mặt).

Cư trú tại: Số 277, đường PH, ấp HH, xã HT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Anh L và anh TH là bạn bè quen biết nhau nhiều năm, từ tết năm 2018 anh L có cho anh TH vay tiền nhiều lần để mua bán cây kiểng, vay không làm giấy tờ do khi mượn anh TH nói là vay đỡ sẽ trả liền. Đến ngày 20/7/2018, khi khoản nợ đã nhiều nên anh L yêu cầu anh TH chốt nợ lại tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng và kêu anh TH viết giấy mượn tiền, ký tên, lăn tay, thể hiện thời hạn vay là 03 tháng. Khi cho vay thì giữa anh L và anh TH không thỏa thuận lãi suất nhưng tiền cho anh TH vay là tiền anh L vay của người khác dùm anh TH và anh L phải trả lãi cho người khác. Từ ngày vay đến nay, anh TH chưa trả cho anh L bất kỳ khoản nợ lãi và nợ gốc nào. Hết thời hạn trả nợ theo giấy nợ ngày 20/7/2018, anh TH nói làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Khi anh TH vay tiền anh L là để làm ăn trong thời kỳ hôn nhân nên anh L yêu cầu chị M là vợ của anh TH phải cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh TH khoản nợ gốc 1.150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay 20/10/2018 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất trong hạn là 10%/năm (thời hạn vay 03 tháng theo giấy nợ), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tức 15%/năm. Ngoài ra, anh L không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Võ Chí TH trình bày:

Anh TH thừa nhận mối quan hệ bạn bè với anh L như người đại diện theo ủy quyền của anh L trình bày, anh TH thừa nhận có vay tiền của anh L nhiều lần với số tiền 800.000.000 đồng, vay với mức lãi suất là cứ 1.000.000 đồng thì tiền lãi là 10.000 đồng/ngày. Anh TH trả lãi được một thời gian thì không còn khả năng trả lãi nữa, việc anh vay tiền và trả lãi của anh TH không có làm giấy tờ. Đến ngày 20/7/2018, anh L và anh TH chốt nợ, tổng nợ gốc và lãi là 1.150.000.000 đồng, anh L yêu cầu anh TH viết giấy nợ cho anh L, anh TH đồng ý tự viết và ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền rồi đưa cho anh L giữ. Từ khi viết giấy nợ đến nay anh TH không trả cho anh L khoản tiền nào. Mục đích anh TH vay tiền là để mua bán cây kiểng nhưng anh TH làm ăn thất bại nên dẫn đến không có khả năng trả nợ, khoản nợ này anh TH tự mượn không có nói cho chị M biết. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh L yêu cầu vợ chồng anh TH, chị M cùng có nghĩa vụ trả cho anh L khoản nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay 20/10/2018 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất trong hạn là 10%/năm (thời hạn vay 03 tháng theo giấy nợ), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong

hạn tức 15%/năm thì anh TH đồng ý một mình anh TH trả nợ, vì khoản nợ này không liên quan đến chị M.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hiếu M trình bày:

Chị M là vợ của anh TH, anh L là bạn của anh TH, chị M biết anh L nhưng không quen. Trước đây, anh TH có nghề mua bán cây kiểng nhưng đã nghỉ, việc anh TH vay tiền của anh L chị M hoàn toàn không biết, có lần anh L xuống nhà tìm anh TH để đòi nợ thì chị M biết là anh TH có nợ tiền anh L nhưng không biết nợ bao nhiêu, khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì chị mới biết số nợ là 1.150.000.000 đồng. Khi anh TH mượn tiền của anh L thì cả anh TH và anh L không có ai nói cho chị M biết, anh L cũng không có lần nào gặp chị M để đòi tiền. Nay anh L yêu cầu chị M cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh TH khoản nợ của anh L thì chị M không đồng ý vì chị M không có mượn tiền của anh L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành trình bày:

Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L đối với anh TH, chị M. Buộc anh TH, chị M cùng có nghĩa vụ trả cho anh Lê L số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 20/7/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm xong theo mức lãi suất trong hạn là 10%/năm (trong thời hạn 03 tháng) và lãi suất quá hạn là 15%/tháng. Anh TH, chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Theo giấy mượn tiền ngày 20/7/2018 thể hiện, anh Võ Chí TH có vay của anh Lê L số tiền 1.150.000.000 đồng, vay không thỏa thuận lãi suất, vay không thế chấp tài sản, thời hạn vay là 03 tháng, giấy mượn tiền do anh TH tự viết, ký tên và lăn tay, mục đích vay để mua bán cây kiểng. Sau khi vay thì anh TH làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đây là đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh TH thừa nhận có vay tiền của anh L, thừa nhận có viết giấy mượn tiền đề ngày 20/7/2018 và đồng ý trả cho anh L số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Trong chứng cứ là giấy mượn tiền đề ngày 20/7/2018 chỉ thể hiện thời hạn vay là 03 tháng, không thể hiện mức lãi suất. Anh TH trình bày trả lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, người đại diện theo ủy quyền của anh L không thừa nhận nhưng anh TH không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Người đại diện theo ủy quyền của anh L trình bày vay có thỏa thuận lãi suất nhưng không cụ thể bao nhiêu vì khoản vay này anh L đứng ra vay dùm cho anh TH nên anh L phải trả lãi cho người khác. Như vây, hai bên thống nhất vay có lãi nhưng không thống nhất mức lãi suất bao nhiêu. Xét yêu cầu tính lãi của người đại diện theo ủy quyền của anh L đề nghị tính lãi từ ngày 20/7/2018 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất trong hạn là 10%/năm và lãi suất quá hạn là 15%/năm thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh TH đồng ý trả lãi theo mức lãi suất mà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Từ ngày 20/7/2018 đến ngày 30/9/2019 là 14 tháng 10 ngày, trong đó lãi suất trong hạn là 03 tháng, lãi suất quá hạn là 11 tháng 10 ngày. Tiền lãi được tính như sau:

- 03 tháng, tiền lãi trong hạn là: 1.150.000.000 đồng x 10%/năm x 03 tháng = 28.750.000 đồng.

- 11 tháng 10 ngày, tiền lãi quá hạn là: 1.150.000.000 đồng x 15%/tháng x 11 tháng 10 ngày = 162.917.000 đồng.

->Tổng cộng tiền lãi là: 28.750.000 đồng + 162.917.000 đồng = 191.667.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 1.150.000.000 đồng + 191.667.000 đồng = 1.341.667.000 đồng.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh TH và chị M cùng có nghĩa vụ nợ thấy rằng:

Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, anh TH và người đại diện theo ủy quyền của anh Lê L thống nhất mục đích anh TH vay tiền của anh L là để mua bán cây kiểng. Người đại diện theo ủy quyền của anh L cho rằng anh TH vay nợ trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng để mua bán cây kiểng là để chăm lo cho gia đình nên yêu cầu vợ chồng anh TH cùng có nghĩa vụ trả nợ. Anh TH thừa nhận vay nợ để mua bán cây kiểng chăm lo cho gia đình nhưng do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ. Chị M trình bày biết việc anh TH làm nghề mua bán cây kiểng nhưng không biết gì khoản nợ giữa anh TH và anh L, anh L cũng không lần nào gặp chị M để đòi nên khoản nợ này không liên quan đến chị M. Anh L tự vay thì tự trả. Như vậy, có căn cứ khẳng định, anh TH vay tiền của

anh L trong thời kỳ hôn nhân, nhằm mục đích mua bán cây kiểng là để chăm lo cho gia đình, mặt dù trong giấy mượn tiền chỉ có một mình anh TH ký tên nhưng đây là giao dịch cho một bên xác lập thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên có căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng anh TH, chị M là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Võ Chí TH và chị Nguyễn Thị Hiếu M cùng có nghĩa vụ trả cho anh Lê L số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng, tiền lãi là 191.667.000 đồng, tổng cộng là 1.341.667.000 đồng.

[5]. Về án phí: Anh TH, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + 3% x 541.667.000 đồng = 36.000.000 đồng + 16.250.010 đồng = 52.250.010 đồng (được làm tròn là 52.250.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê L đối với anh Võ Chí TH và chị Nguyễn Thị Hiếu M.

Buộc anh Võ Chí TH và chị Nguyễn Thị Hiếu M cùng có nghĩa vụ trả cho anh Lê L số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng, tiền lãi là 191.667.000 đồng, tổng cộng là 1.341.667.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Võ Chí TH và chị Nguyễn Thị Hiếu M phải chịu 52.250.000 đồng (Năm mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Lê L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.250.000 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013498 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Phụng